

QUYẾT ĐỊNH

về việc phê duyệt Danh mục tài liệu ôn tập môn nghiệp vụ chuyên ngành (vòng 2) kỳ thi tuyển công chức, viên chức cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội năm 2021

- Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

- Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV, ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Căn cứ Kế hoạch số 10-KH/TU, ngày 22/01/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tuyển dụng công chức, viên chức vào các cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện năm 2021;

- Xét đề nghị của Hội đồng thi tuyển công chức, viên chức cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội năm 2021,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Danh mục tài liệu ôn tập môn nghiệp vụ chuyên ngành (vòng 2) kỳ thi tuyển công chức, viên chức cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội năm 2021 (có danh mục tài liệu kèm theo).

Điều 2. Giao Hội đồng thi tuyển công chức, viên chức cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội năm 2021 đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Đảng bộ tỉnh Hải Dương từ ngày 27/4/2021 để phục vụ việc ôn tập của thí sinh.

Điều 3. Hội đồng thi tuyển công chức, viên chức cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội năm 2021; Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Trưởng ban giám sát,
- Lưu VPTU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Phạm Xuân Thăng

**DANH MỤC TÀI LIỆU QN TẬP MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH
(VÒNG 2) KỶ THI TUYỂN CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CƠ QUAN KHỐI
ĐẢNG, MẶT TRẬN QUỐC GIA VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI**

HAI DƯƠNG / 2021

(ban hành kèm theo Quyết định số **110** QĐ/TU, ngày 27/4/2021
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I. Vị trí chuyên viên về công tác tổ chức xây dựng Đảng

1. Quy định số 29-QĐ/TW, ngày 25/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thi hành Điều lệ Đảng và Hướng dẫn số 01-HD/TW, ngày 20/9/2016 của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng.
2. Quy chế bầu cử trong Đảng ban hành kèm theo Quyết định số 244-QĐ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
3. Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 30/10/2016 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ.
4. Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
5. Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.
6. Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ.
7. Quy định số 205-QĐ/TW, ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền.
8. Hướng dẫn số 09-HD/BTCTW, ngày 05/6/2017 của Ban Tổ chức Trung ương về nghiệp vụ công tác đảng viên.
9. Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW, ngày 06/7/2018 của Ban Tổ chức Trung ương về một số vấn đề nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.
10. Quy định số 04-QĐi/TW, ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tinh uý, thành uý.

II. Vị trí chuyên viên về công tác Tuyên giáo

1. Nghị quyết số 16-NQ/TW, ngày 01/8/2007 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới.

2. Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030.

3. Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch trong tình hình mới.

4. Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng.

5. Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới.

6. Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp.

7. Quy chế cung cấp thông tin phục vụ công tác tuyên truyền miệng của Đảng ban hành kèm theo Quyết định số 340-QĐ/TW, ngày 03/12/2010 của Ban Bí thư.

8. Hướng dẫn số 167-HD/BTGTW, ngày 26/12/2015 của Ban Tuyên giáo Trung ương thực hiện Kết luận số 100-KL/TW, ngày 18/8/2014 của Ban Bí thư về đổi mới và nâng cao chất lượng công tác điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội.

9. Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT, ngày 24/12/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

10. Quy định số 04-QĐi/TW, ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tinh uý, thành uý.

III. Vị trí chuyên viên về công tác Kiểm tra

1. Nghị quyết số 14-NQ/TW, ngày 30/7/2007 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

2. Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thi hành Chương VII và chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

3. Quy định số 102-QĐ/TW, ngày 15/11/2017 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm.

4. Quy định số 07-QĐi/TW, ngày 28/8/2018 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật tổ chức đảng vi phạm.

5. Quy định số 86-QĐ/TW, ngày 01/6/2017 của Bộ Chính trị về giám sát trong Đảng.

6. Quy định số 13-QĐ/UBKTTW, ngày 18/9/2019 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về tiếp nhận, xử lý đơn thư, tiếp đảng viên và công dân.

7. Quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với đảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 1195-QĐ/UBKTTW, ngày 11/6/2019 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

8. Quy định số 195-QĐ/TW, ngày 18/6/2019 của Ban Bí thư về chỉ đạo của ủy ban kiểm tra cấp trên đối với ủy ban kiểm tra cấp dưới trong công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

9. Hướng dẫn số 01-HD/UBKTTW, ngày 21/11/2016 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về thực hiện một số điều trong Quy định số 30-QĐ/TW thi hành Chương VII và chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

10. Quy định số 04-QĐi/TW, ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tinh uý, thành uý.

IV. Vị trí chuyên viên về công tác Dân vận

1. Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới.

2. Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11, ngày 20/4/2007 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

3. Kết luận số 120-KL/TW, ngày 07/01/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

4. Quyết định số 290-QĐ/TW, ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.

5. Quy định số 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân.

6. Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền ban hành kèm theo Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị.

7. Nghị định số 04/2015/NĐ-CP, ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

8. Chỉ thị số 16-CT/TTg, ngày 16/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới.

9. Nghị định số 149/2018/NĐ-CP, ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 63 của Bộ Luật Lao động về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

10. Quy định số 04-QĐi/TW, ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy.

V. Vị trí chuyên viên về Văn phòng cấp ủy

1. Quy định số 10-QĐi/TW, ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Quy định số 42-QĐ/TW, ngày 03/10/2016 của Ban Bí thư về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh ủy, thành ủy.

3. Quy định số 202- QĐ/TW, ngày 02/8/2019 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy cấp huyện.

4. Quy định số 269-QĐ/TW, ngày 25/11/2014 của Ban Bí thư về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan đảng.

5. Quy định số 75-QĐ/TW, ngày 08/3/2017 của Ban Bí thư về chế độ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

6. Quy định số 217-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về việc gửi, nhận văn bản điện tử trên mạng thông tin diện rộng của Đảng và trên mạng Internet.

7. Nghị định số 26/2020/NĐ-CP, ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước.

8. Hướng dẫn số 26-HD/VPTW, ngày 08/6/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng về công tác phục vụ hội nghị ban chấp hành, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy.

9. Hướng dẫn số 22-HD/VPTW, ngày 22/3/2017 của Văn phòng Trung ương về ban hành một số văn bản của các cơ quan lãnh đạo đảng cấp tỉnh, thành phố.

10. Quy định số 04-QĐi/TW, ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh uỷ, thành uỷ.

VI. Vị trí chuyên viên về Công nghệ thông tin - cơ yếu

1. Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/ 2006.

2. Luật Cơ yếu số 05/2011/QH13 ngày 26/11/2011.

3. Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19/11/2015.

4. Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 ngày 12/6/2018.

5. Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước số 29/2018/QH14 ngày 15/11/2018.

6. Quy định số 269-QĐ/TW, ngày 25/11/2014 của Ban Bí thư về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan đảng.

7. Quy định số 217-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về việc gửi, nhận văn bản điện tử trên mạng thông tin điện rộng của Đảng và trên mạng Internet.

8. Quy chế quản lý, sử dụng và bảo vệ mạng thông tin điện rộng của Đảng ban hành kèm theo Quyết định số 273-QĐ/TW, ngày 03/3/2015 của Ban Bí thư.

9. Nghị định số 64/2007/NĐ-CP, ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

10. Thông tư số 185/2019/TT-BQP, ngày 04/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn về cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

VII. Vị trí văn thư - lưu trữ

1. Luật Lưu trữ số 01/2011/QH13 ngày 11/11/2011 (chương III, IV); Nghị định số 01/2013/NĐ-CP, ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lưu trữ (chương III).

2. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP, ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

3. Nghị định số 99/2016/NĐ-CP, ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu.

4. Quy định số 270-QĐ/TW, ngày 06/12/2014 của Ban Bí thư về Phòng lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam.

5. Quy định số 217-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về việc gửi, nhận văn bản điện tử trên mạng thông tin điện rộng của Đảng và trên mạng Internet.

6. Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg, ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

7. Hướng dẫn số 59-HD/VPTW, ngày 12/11/2015 của Văn phòng Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ và quan hệ công tác của lưu trữ cơ quan huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy.

8. Hướng dẫn số 17-HD/VPTW, ngày 16/12/2016 của Văn phòng Trung ương Đảng về lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan.

9. Hướng dẫn số 29-HD/VPTW, ngày 12/9/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức xác định giá trị tài liệu ở các cơ quan, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội.

10. Hướng dẫn số 45-HD/VPTW, ngày 12/02/2019 của Văn Phòng Trung ương Đảng về tổ chức giải mật tài liệu lưu trữ ở các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu vào lưu trữ lịch sử của Đảng ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của Đảng ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

VIII. Vị trí kế toán

1. Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.

2. Nghị định số 174/2016/NĐ-CP, ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán.

3. Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015.

4. Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

6. Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

7. Quy định về chế độ đảng phí ban hành kèm theo Quyết định số 342-QĐ/TW, ngày 28/12/2010 của Bộ Chính trị.

8. Quy định số 09-QĐ/VPTW, ngày 22/9/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng về một số chế độ chi tiêu hoạt động của các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương.

9. Thông tư số 40/2017/TT-BTC, ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

10. Thông tư số 71/2018/TT-BTC, ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước (chương VI).

IX. Vị trí chuyên viên về công tác Mặt trận

1. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam số 75/2015/QH13 ngày 09/6/2015.

2. Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

3. Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa IX, nhiệm kỳ 2019 - 2024.

4. Thông tri số 08/TT-MTTW-BTT, ngày 28/7/2020 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn một số điều của Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa IX, nhiệm kỳ 2019 - 2024.

5. Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị.

6. Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền ban hành kèm theo Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị.

7. Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.

8. Kết luận số 62-KL/TW, ngày 08/12/2009 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

9. Nghị quyết số 01/NQ-MTTW-UB, ngày 20/9/2019 của Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ IX, nhiệm kỳ 2019 - 2024.

10. Quyết định số 212-QĐ/TW, ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.

X. Vị trí chuyên viên về công tác Hội phụ nữ

1. Điều lệ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam khóa XII.

2. Hướng dẫn số 05/HD-BCH, ngày 29/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam thực hiện Điều lệ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

3. Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11, ngày 29/6/2006.

4. Nghị định số 70/2008/NĐ-CP, ngày 04/6/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới.

5. Nghị định số 48/2009/NĐ-CP, ngày 19/5/2009 của Chính phủ quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới.

6. Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới.

7. Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

8. Hướng dẫn số 06/HD-ĐCT-TC, ngày 29/6/2017 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và thi hành kỷ luật trong hệ thống Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam nhiệm kỳ 2017 - 2022.

9. Hướng dẫn số 20/HD-ĐCT, ngày 21/3/2018 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về thực hiện mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới”.

10. Quyết định số 212-QĐ/TW, ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.

XI. Vị trí chuyên viên về công tác Hội nông dân

1. Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam khóa VII.

2. Hướng dẫn số 93-HD/HNDTW, ngày 05/8/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam.

3. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân ban hành kèm theo Quyết định số 908-QĐ/HNDTW, ngày 15/11/2011 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

4. Chỉ thị số 59-CT/TW, ngày 15/12/2000 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

5. Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

6. Nghị quyết số 04-NQ/HNDTW, ngày 05/8/2019 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Hội Nông dân Việt Nam khóa VII về đẩy mạnh xây dựng chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp.

7. Nghị quyết số 05-NQ/HNDTW, ngày 05/8/2019 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Hội Nông dân Việt Nam khóa VII về tăng cường công tác phát triển, quản lý và nâng cao chất lượng hội viên Hội Nông dân Việt Nam.

8. Nghị quyết số 06-NQ/HNDTW, ngày 05/8/2019 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Hội Nông dân Việt Nam khóa VII về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

9. Nghị quyết số 10-NQ/HNDTW, ngày 27/7/2020 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Hội Nông dân Việt Nam khóa VII về Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2020 - 2025.

10. Quyết định số 212-QĐ/TW, ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.

XII. Vị trí chuyên viên về công tác Đoàn thanh niên

1. Luật Thanh niên số 57/2020/QH14 ngày 16/6/2020.

2. Điều lệ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh khóa XI.

3. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam phê duyệt kèm Quyết định số 1176/QĐ-BNV, ngày 14/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

4. Điều lệ Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 99-QĐ/TWĐTN-CTTN, ngày 01/8/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn khóa XI.

5. Quy chế cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 289-QĐ/TW, ngày 08/02/2010 của Ban Bí thư.

6. Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 25/7/2008 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

7. Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030.

8. Kết luận số 06-KL/TWĐTN-BKT ngày 10/01/2019 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Thường vụ Trung ương Đoàn khóa XI về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 01-

CT/TWĐTN, ngày 17/5/2013 về việc “Tăng cường rèn luyện tác phong, thực hiện lễ lối công tác của cán bộ đoàn”

9. Kết luận số 07-KL/TWĐTN-BTC, ngày 14/02/2019 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đoàn khóa XI về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác cán bộ đoàn giai đoạn 2019-2022.

10. Quyết định số 212-QĐ/TW, ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.

XIII. Vị trí chuyên viên về công tác Hội cựu chiến binh cấp huyện

1. Pháp lệnh Cựu chiến binh số 27/2005/PL-UBTVQH11, ngày 07/10/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, ngày 12/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh.

3. Nghị định số 157/2016/NĐ-CP, ngày 24/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, ngày 12/12/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh.

4. Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH, ngày 25/02/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định số 157/2016/NĐ-CP, ngày 24/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, ngày 12/12/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh.

5. Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam khóa VI,

6. Hướng dẫn số 21/HD-CCB, ngày 26/6/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam về thi hành Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

7. Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 08/01/2002 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới.

8. Kết luận số 66-KL/TW, ngày 04/3/2010 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 08/01/2002 của Bộ Chính trị (IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới

9. Nghị quyết số 05/NQ-CCB, ngày 09/01/2020 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam về xây dựng tổ chức cơ sở Hội vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

10. Quyết định số 212-QĐ/TW, ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.

XIV. Vị trí giảng viên trung tâm chính trị cấp huyện

1. Quy định số 54-QĐ/TW, ngày 12/5/1999 của Bộ Chính trị về chế độ học tập lý luận trong Đảng.

2. Quy định số 164-QĐ/TW, ngày 01/02/2013 của Bộ Chính trị về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

3. Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới.

4. Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng.

5. Kết luận số 57-KL/TW, ngày 08/3/2013 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

6. Quy chế giảng dạy và học tập của Trung tâm Bồi dưỡng chính trị cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh ban hành kèm theo Quyết định 1853-QĐ/BTGTW, ngày 04/3/2010 của Trưởng ban Ban Tuyên giáo Trung ương.

7. Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

8. Thông tư số 01/2018/TT-BNV, ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

9. Thông tư số 10/2017/TT-BNV, ngày 29/12/2017 của Bộ Nội vụ quy định về đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

10. Quy định số 208-QĐ/TW, ngày 08/11/2019 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trung tâm chính trị cấp huyện.
